TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 126/2020/QĐST-DS	*Giồng Trôm, ngày 24 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 319/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp A, xã E, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Ấp 1, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Ấp 1, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 4.900.000 đồng. Thời gian, phương thức trả như sau:

Ngày 15/01/2021, trả 1.000.000 (Một triệu) đồng

Ngày 15/02/2021, trả 1.000.000 (Một triệu) đồng

Ngày 15/3/2021, trả 1.000.000 (Một triệu) đồng

Ngày 15/4/2021, trả 1.000.000 (Một triệu) đồng

Ngày 15/5/2021, trả 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng

Nếu đến thời hạn trả tiền mà ông B, bà N không thực hiện trả như thỏa thuận thì chị T có quyền yêu cầu thi hành một lần đối với số tiền ông B, bà N còn phải trả.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 61.250 (Sáu mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004082 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Trả lại chị T 238.750 (Hai trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Phạm Ngọc Ánh